

Số: 04/2022/QĐ-CNHGT

*Phú Lộc, ngày 03 tháng 6 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Luật Hòa giải  
đôi thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải lập tại Tòa án ngày 18 tháng 5  
năm 2022, các bên đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc  
“Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Trần Thị T, sinh ngày 07/11/1995. Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P,  
tỉnh T.

- Anh Nguyễn Quang T, sinh ngày 12/9/1995. Địa chỉ: Thôn Đ, xã L,  
huyện P, tỉnh T.

Sau khi nghiên cứu biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án, cùng  
các tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

**XÉT THẤY**

Kết quả hòa giải thành có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật  
Hòa giải, đôi thoại tại Tòa án;

Đã hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận  
kết quả hòa giải và các tài liệu kèm theo, các bên không có ý kiến nào khác về  
nội dung đã thỏa thuận.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa: Chị Trần Thị T và  
anh Nguyễn Quang T.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như  
sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T thuận  
tình ly hôn.

2.2. Về việc nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T  
thỏa thuận giao cháu Nguyễn Quang N, sinh ngày 25/4/2018 cho chị Trần Thị T  
trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy  
định của pháp luật.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

5. Các bên tham gia hòa giải có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các bên hòa giải;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**THẨM PHÁN**

**Phan Sang**